

Bản án số: **82/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 16-9-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai
2. Ông Huỳnh Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2018/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Trúc M, sinh năm 1989 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: khóm BK7, phường BK, thành phố LX, tỉnh G.

Địa chỉ liên lạc: phường MH, thành phố LX, tỉnh G

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Trần Tiến V-Văn phòng Luật sư Tiến V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lâm Thị Trúc M (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Tạ Quang K, sinh năm 1981 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: khóm BK7, phường BK, thành phố LX, tỉnh G

Nơi ở hiện nay: phường VB, thành phố RG tỉnh KG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hà Thị Mỹ N, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: phường VB, thành phố RG, tỉnh KG.

Nơi ở hiện nay: khóm BK7, phường BK, thành phố LX, tỉnh G.

3.2. Ông Hà Minh H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: phường MP, thành phố X, tỉnh G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phần trình bày của nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc M thể hiện nội dung:* Chị và anh Tạ Quang K do tự quen biết tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của cha mẹ hai bên, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện R, tỉnh KG theo giấy chứng nhận kết hôn số 86 cấp ngày 06/10/2008. Từ khi về sống chung với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, nguyên nhân do bất đồng cách sống. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M yêu cầu ly hôn để trả lại cuộc sống tự do cho cả hai và chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Tạ Quang K

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Tạ Nguyên C, sinh ngày 19/10/2012 hiện đang do anh K nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để con chung cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng và anh K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống giữa chị với anh K có tạo lập được tài sản chung là 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 77,7 m², loại đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại phường K, thành phố LX theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số CS09365 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 12/5/2017 cho hai vợ chồng. Trị giá tài sản chị thống nhất với giá tại Biên bản định giá do Hội đồng định giá công bố ngày 29/11/2018 là 857.881.440 đồng (*Tám trăm năm mươi bảy triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*). Chị có yêu cầu được nhận tài sản chung là nhà, đất và chị đồng ý hoàn lại tiền cho anh K $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản số tiền 428.940.720 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) còn trường hợp anh K có ý kiến giữ tài sản thì chị cũng đồng ý giao tài sản cho anh K và anh K có trách nhiệm hoàn lại giá 428.940.720 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) cho chị, còn đối với ý kiến của anh K chỉ đồng ý thôi lại cho chị 30% giá trị tài sản thì chị không đồng ý.

+ Về nợ chung: Trong thời gian chung sống không có vì việc vay mượn tiền nợ như anh K trình bày, đối với khoản nợ là 350.000.000 đồng của ông H và bà N thì chị không có tham gia vay mượn nên chị không biết đối với số tiền nợ này. Về nợ do anh K vay thì anh K tự chịu trách nhiệm trả chị không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ với anh K. Đối với yêu cầu độc lập của bà N buộc chị cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với anh K thì chị không đồng ý do chị không nhận tiền hay hỏi vay tiền của bà N nên chị không phải chịu trách nhiệm gì đối với khoản nợ này.

** Bị đơn của anh Tạ Quang K có ý kiến trình bày thể hiện nội dung:*

+ Về hôn nhân: Anh cùng với chị Lâm Thị Trúc M kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện R, tỉnh KG ngày 06/10/2008, kết hôn lần thứ 1. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do chị M có quan hệ đồng tính với người phụ nữ khác và chị M đã bỏ nhà đi từ ngày 25/12/2017 cho đến nay. Anh nhận thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không đạt được mục đích, chị M làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý. Vì vậy, anh đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lâm Thị Trúc M.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Tạ Nguyên C, sinh năm 2012 hiện đang do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Chương, yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng đến khi con đủ tuổi thành niên nhưng tại phiên tòa anh xác định chỉ yêu cầu chị M cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử là ngày 16/9/2019.

+ Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống giữa anh và chị M có tạo lập tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 77,7 m², loại đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại phường K, thành phố LX, tỉnh G và 01 căn nhà cất trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số CS09365 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 12/5/2017 cho hai vợ chồng. Trị giá tài sản là 857.881.440 đồng (*Tám trăm năm mươi bảy triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*) theo giá do Hội đồng định giá công bố tại Biên bản định giá ngày 29/11/2018. Về tài sản chung do thu nhập của một mình anh cộng với tiền anh nhờ mẹ ruột, chị ruột và em bà con vay mới mua và xây dựng được. Trong suốt quá trình hôn nhân, phần lớn thời gian chị M chỉ đi học và ở nhà không làm việc gì có thu nhập. Thời gian chị M đi làm không quá một năm và thu nhập từ công việc không quá 4.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, dựa trên công sức đóng góp phần lớn tài sản này, anh yêu cầu xem xét được chia 70% giá trị tài sản cho anh và chia 30% giá trị tài sản cho chị M. Để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt gia đình anh K yêu cầu được ổn định nơi ăn ở học hành của con, anh đồng ý hoàn giá trị tài sản chung bằng tiền lại cho chị M.

+ Về nợ chung: Trước đây anh có trình bày và yêu cầu tòa án xem xét việc anh và chị M có vay mượn một số tiền để đầu tư vào mua đất và xây dựng nhà để sống chung, cụ thể: Vay của ông Hà Minh H số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), vay của bà Hà Thị Mỹ N số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), đề nghị Tòa án chia đôi số nợ trên cho cả hai cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho ông H và bà N.

Tại phiên tòa, anh K xác định lại yêu cầu về tài sản chung, anh yêu cầu chia đôi tài sản mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo giá do Hội đồng định giá công bố tại Biên bản định giá ngày 29/11/2018, anh yêu cầu được nhận nhà và đất, anh đồng ý hoàn lại giá trị 50% tài sản cho chị M là 428.940.720 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*). Đối với các khoản nợ do anh là người trực tiếp vay mượn của ông Hà Minh H và bà Hà Thị

Mỹ N mẹ ruột của anh nên anh đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho ông H và bà N không yêu cầu chị M cùng chịu trách nhiệm trả nợ với anh.

** Phân trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Minh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết đối với vụ án tại bản tự khai, biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 05/7/2018, ngày 19/02/2019 thể hiện nội dung:* Ông xác định có cho ông Tạ Quang K mượn số 100.000.000 đồng vào ngày 26/6/2017, hạn trả 26/6/2018 và 100.000.000 đồng vào ngày 25/7/2017, hạn trả 25/12/2018. Việc vay mượn tiền này không có lãi, khi ông Khang vay mượn nói để xây nhà nhưng thực tế ông Khang sử dụng làm gì thì ông không biết. Khi vay mượn tiền ông Khang là người trực tiếp ký biên nhận và nhận tiền, bà My không có ký tên vào biên nhận và nhận tiền. Số tiền hai bên thỏa thuận ông Khang có trả được một phần chỉ còn lại số tiền ông Khang còn nợ là 170.000.000 đồng. Do, số tiền này ông Khang là người trực tiếp ký biên nhận và nhận tiền nên ông chỉ yêu cầu ông Khang có trách nhiệm trả cho ông số tiền này. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

** Phân trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Mỹ N vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà N có yêu cầu độc lập thể hiện nội dung:* Bà thống nhất với ý kiến trình bày của con bà là anh K vì khi con bà nói mua đất nhưng không có tiền cất nhà, ở cùng với cha ruột không được nên bà mới lấy đất vay tiền của ngân hàng, vay và mượn thêm sổ tiết kiệm của cháu để vay thêm đủ số đưa cho con mượn để xây dựng nhà. Khi đưa tiền là vợ chồng Khang và My cùng đi về nhà bà ở RG- KG để lấy tiền. Bà yêu cầu buộc nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc M và bị đơn anh Tạ Quang K có trách nhiệm liên đới việc trả nợ đã mượn của bà nhằm mục đích mua đất, xây nhà do bà đứng ra vay ngân hàng hộ theo Hợp đồng cho vay số 147/17/HĐCV/102-9330 ngày 07 tháng 12 năm 2017, với số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) do bà Hà Thị Mỹ N ký với Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) – Chi nhánh KG.

Đối với 02 khoản nợ theo hợp đồng vay ngân hàng số 035/17/HĐCV-9330 ngày 18/5/2017 và hợp đồng số 138/2017/HĐTD/102-9330 ngày 06/11/2017 có sự tham gia của nhiều người khác là Nguyễn Hà Thư T, Đặng Phúc Văn T, Nguyễn Hà Thúy L làm kéo dài thời gian thủ tục bổ sung hồ sơ chứng từ cho quá trình xét xử, bà N đề nghị tách 02 khoản nợ này ra khỏi nội dung vụ án không giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc M và bị đơn anh Tạ Quang K thống nhất thỏa thuận được tất cả các vấn đề về hôn nhân, về nuôi con chung sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và về nợ chung. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Minh H và bà Hà Thị Mỹ N vắng mặt không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, luật sư Trần Tiến V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lâm Thị Trúc M đưa ra các quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lâm Thị Trúc M và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thống nhất thỏa thuận của chị M và anh K tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Trúc M với anh Tạ Quang K. Công nhận sự thỏa thuận thống nhất của chị M với anh K tại phiên tòa giải quyết các vấn đề về quan hệ con chung, về tài sản chung và về nợ chung; Đối với khoản nợ của ông H và khoản nợ liên quan đến Nguyễn Hà Thư T, Đặng Phúc T, Nguyễn Hà Thúy L nếu các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác; Đối với yêu cầu độc lập của bà N do Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Mỹ N, ông Hà Minh H mặc dù được tòa án tiến hành thông đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà Hà Thị Mỹ N, ông Hà Minh H vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc M với bị đơn anh Tạ Quang K đều có thay đổi một phần yêu cầu và giữa nguyên đơn, bị đơn thống nhất được các vấn đề có liên quan đến vụ án về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và về nợ chung việc thay đổi một phần yêu cầu của chị M, anh K không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Hà Thị Mỹ N có đơn yêu cầu độc lập gửi cho Tòa án ngày 07/5/2019, thể hiện nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc M và bị đơn anh Tạ Quang K có trách nhiệm liên đới trả nợ đã vay mượn của bà nhằm mục đích mua đất, xây nhà do bà đứng ra vay ngân hàng hộ theo Hợp đồng cho vay số 147/17/HĐCV/102-9330 ngày 07 tháng 12 năm 2017, với số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) do bà Hà Thị Mỹ N ký với Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) – Chi nhánh KG. Đối với 02 khoản nợ theo hợp đồng vay ngân hàng số 035/17/HĐCV-9330 ngày 18/5/2017 và hợp đồng số 138/2017/HĐTD/102-9330 ngày 06/11/2017 có sự tham gia của nhiều người khác là Nguyễn Hà Thư T, Đặng Phúc Văn T, Nguyễn Hà Thúy L nhưng bà N đề nghị tách 02 khoản nợ này ra khỏi nội dung vụ án không giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, bà N đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà N vắng mặt không có lý do nên bị coi là từ bỏ yêu cầu độc lập, Hội đồng

xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà Hà Thị Mỹ N không xem xét, bà N được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu độc lập của mình theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Chị Lâm Thị Trúc M khởi kiện xin ly hôn với anh Tạ Quang K, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Tạ Quang K có yêu cầu ly hôn, giải quyết sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, yêu cầu chia tài sản chung và về nợ chung đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, chị M và anh K tự quen biết và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện R, tỉnh KG theo giấy chứng nhận kết hôn số 86 cấp ngày 06/10/2008. Tại phiên tòa, giữa chị M và anh K xác định anh chị đã suy nghĩ nhưng tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên thống nhất yêu cầu giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện nguyên đơn chị M và bị đơn anh K không đồng ý tiếp tục chung sống, hôn nhân giữa hai bên không còn tồn tại trên thực tế, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lâm Thị Trúc M với anh Tạ Quang K.

[4] Về con chung: Chị Lâm Thị Trúc M và anh Tạ Quang K thống nhất trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung cháu Tạ Nguyên C, sinh ngày 19/10/2012. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Chương chưa thành niên và đang được anh K chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu Chương đã ổn định. Giữa chị M, anh K thống nhất được việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là chính đáng, có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp thuận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị M không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, anh K yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con từ ngày xét xử là ngày 16/9/2019 là có cơ sở và chị M đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của anh K nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu là 745.000 đồng/tháng kể từ ngày 16/9/2019 đến khi con chung trưởng thành. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh từng thời điểm do pháp luật quy định. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau chị M và anh K thống nhất tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là 01 căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại khu đô thị M, khóm BK 7, phường BK, thành phố LX, tỉnh G. Tại phiên tòa, chị M và anh K thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn anh K tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản chung và anh K có trách nhiệm hoàn

lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho chị M số tiền 428.940.720 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) theo giá do Hội đồng định giá đã công bố ngày ngày 29/11/2018 với tổng giá trị tài sản nhà và đất là 857.881.440 đồng (*Tám trăm năm mươi bảy triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*) nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự để công nhận sự thỏa thuận của chị M với anh K.

[5.1] Thỏa thuận của chị M với anh K tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật không vi phạm điều cấm nên được công nhận, sau khi ly hôn tài sản chung là diện tích 77,7 m² đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4 theo Bản trích đo khu đất do Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 09/10/2018 là phần diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số CS09365 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 12/5/2017 cho anh K, chị M và căn nhà thuộc loại 2.2 có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn BTCT, vách gạch xây, tổng diện tích sàn sử dụng là: 151,2 m², (trong đó: 73,5 m² là tầng trệt, tầng 2 của căn nhà có diện tích 30,7 m²; Diện tích sân trời là 18,9 m² và 28,1 m²) được giới hạn tại các điểm 1,2,6,5 theo Bản trích đo khu đất do Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 09/10/2018, tọa lạc khu đô thị M, khóm BK 7, phường BK, thành phố LX, tỉnh G cho anh Tạ Quang K được quyền quản lý, sử dụng.

[5.2] Anh K có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo quy định.

[5.3] Anh K có trách nhiệm hoàn 50% giá trị nhà đất lại cho chị M với số tiền là 428.940.720 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

[5.4] Đối với mái che nằm trước căn nhà có cấu trúc nền gạch men khung sắt tiền chế, vách khung sắt, mái tole thuộc loại Tạm A và hàng rào phía trước căn nhà thì do nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc M với bị đơn anh Tạ Quang K thống nhất không yêu cầu định giá đối với các vật kiến trúc này cũng như không có yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với phần mái che nằm trước căn nhà.

[6] Về quan hệ nợ chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, anh K trình bày có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và anh K thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố về số tiền nợ bà Hà Thị Mỹ N và ông Hà Minh H với tổng số tiền nợ vay là 350.000.000 đồng.

[6.1] Tại phiên tòa, anh K tự nguyện cá nhân anh sẽ chịu trách nhiệm đối với khoản nợ vay của anh Hà Minh H số tiền 170.000.000 đồng và của bà Hà Thị Mỹ N số tiền 180.000.000 đồng, không yêu cầu chị M cùng chịu trách nhiệm liên đới với anh cùng trả nợ. Việc anh K tự nguyện chịu trách nhiệm trả hai khoản nợ cho ông H và bà N thì chị M đồng ý. Nhận thấy, sự thỏa thuận giữa chị M với anh K là phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự tự nguyện chịu trách nhiệm cá nhân anh K trả nợ cho ông H, bà N.

[6.2] Trong quá trình giải quyết đối với vụ án bà Hà Thị Mỹ N có cung cấp các tài liệu, chứng cứ là hợp đồng số 035/17/HĐCV-9330 ngày 18/5/2017 và hợp đồng số 138/2017/HĐTD/102-9330 ngày 06/11/2017 có sự tham gia của Nguyễn Hà Thụ T, Đặng Phúc Văn T, Nguyễn Hà Thúy L, bà N đề nghị tách 02 khoản nợ này ra khỏi nội dung vụ án không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Đồng thời, bà Nguyễn Hà Thụ T, ông Đặng Phúc Văn T, bà Nguyễn Hà Thúy L có văn bản gửi cho Tòa án với ý kiến đối với các khoản vay giữa các ông bà và bà N thì không tranh chấp và cũng không có yêu cầu xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy các ông bà Nguyễn Hà Thụ T, Đặng Phúc Văn T, Nguyễn Hà Thúy L không có tranh chấp và đề nghị không giải quyết trong vụ án này nên tòa án không đưa vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng như không xem xét đối với khoản vay này, trong trường hợp các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ:

Nguyên đơn và bị đơn cùng phải chịu chi phí đo đạc, định giá tài sản với số tiền là 3.373.000 đồng nhưng anh K đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá tài sản theo phiếu tạm thu ngày 31/5/2018, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 22/10/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên và phiếu thu ngày 31/5/2018 và ngày 07/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên nên chị M phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh K số tiền 1.686.500 đồng (*Một triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng*). Tuy nhiên, tại phiên tòa anh K tự nguyện nộp số tiền này không yêu cầu chị M hoàn trả lại chi phí nên sự tự nguyện không trái pháp luật nên được chấp nhận. Anh K đã nộp đủ chi phí đo đạc, định giá tài sản.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[8.1] Chị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tiền án phí 21.157.629 đồng trên phần tài sản chung của vợ chồng chị M được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản số tiền 428.940.720 đồng. Tổng cộng số tiền án phí chị M phải nộp là 21.757.629 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0005015 ngày 27/02/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, sau khi khấu trừ chị M còn phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm là 21.457.629 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

[8.2] Anh K phải nộp tiền án phí 21.157.629 đồng trên phần tài sản chung của vợ chồng anh K được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản số tiền 428.940.720 đồng và tiền án phí phần trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H và bà N là 17.800.000 đồng (trên tổng số tiền nợ vay 350.000.000 đồng). Tổng cộng số tiền án phí anh K phải nộp là 38.657.629 đồng tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên nhưng được khấu trừ vào số tiền 17.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai thu số 0005141 ngày 22/3/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, sau khi khấu trừ anh K còn phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm là 20.857.629 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

[8.3] Bà Hà Thị Mỹ N không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên bà N không thuộc trường hợp phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b và điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 232; khoản 1 Điều 244; Điều 246; khoản 1 Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 37, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Trúc M đối với anh Tạ Quang K:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Trúc M đối với anh Tạ Quang K

1.2. Về nuôi con chung:

1.1. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Tạ Nguyên C, sinh ngày 19/10/2012 cho anh Tạ Quang K trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành

1.2. Chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*)/tháng, thực hiện kể từ ngày 16/9/2019 đến khi con chung trưởng thành. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh từng thời điểm do pháp luật quy định. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

1.3. Anh K phải tạo điều kiện cho chị M trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2. Về tài sản chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị M với anh K

2.1. Anh K được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng là nhà đất với giá trị là 428.940.720 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

2.2. Chị M được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng là nhà đất với giá trị là 428.940.720 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

2.3. Giao tài sản chung là căn nhà và đất tọa lạc tại khu đô thị M, khóm BK 7, phường BK, thành phố LX, tỉnh G với diện tích 77,7 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số CS09365 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 12/5/2017 cho anh Khang, chị M được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4 và 01 căn nhà có cấu trúc: Nền gạch men, khung BTCT, sàn BTCT, vách gạch xây, tổng diện tích sàn sử dụng là: 151,2 m², (trong đó: 73,5 m² là tầng trệt, tầng 2 của căn nhà có diện tích 30,7 m²; Diện tích sân trời là 18,9 m² và 28,1 m²) được giới hạn tại các điểm 1,2,6,5 theo Bản trích đo khu đất do Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 09/10/2018 cho anh Tạ Quang K được quyền quản lý, sử dụng.

2.4. Anh K có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo quy định.

3. Anh K có trách nhiệm hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất cho chị M với số tiền là 428.940.720 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*). Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Về nợ chung: Công nhận sự tự nguyện của anh Tạ Quang K chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Hà Thị Mỹ N số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) và ông Hà Minh H số tiền là 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Chị Lâm Thị Trúc M không có trách nhiệm trả nợ cho bà N và ông H.

- Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

5. Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của bà Hà Thị Mỹ N yêu cầu chị Lâm Thị Trúc M và anh Tạ Quang K cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Bà Hà Thị Mỹ N có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ:

Anh K tự nguyện nộp số tiền là 3.373.000 đồng (*Ba triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) chi phí đo đạc, định giá tài sản. Anh K đã nộp đủ chi phí đo đạc, định giá tài sản.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Chị M phải nộp án phí là 21.757.629 đồng (*Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0005015 ngày 27/02/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, sau khi khấu trừ chị M còn phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm là 21.457.629 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

7.2. Anh K phải nộp tiền án phí là 38.657.629 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng*) tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên nhưng được khấu trừ vào số tiền 17.800.000 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai thu số 0005141 ngày 22/3/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, sau khi khấu trừ anh K còn phải nộp tiếp tiền án phí sơ thẩm là 20.857.629 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

7.3. Bà Hà Thị Mỹ N không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên bà N không thuộc trường hợp phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Chị Lâm Thị Trúc M, anh Tạ Quang K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, bà Hà Thị Mỹ N, anh Hà Thanh Hùng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã nơi cấp giấy đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ngọc Thúy

